

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 6 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm

Bà Trần Kim Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 450/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Ngọc M (có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường T, khóm Y, phường U, Tp C, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh T (có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, đường T, khóm Y, phường U, Tp C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Đỗ Ngọc M trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, chị và anh T kết hôn và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường U, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã khoảng 06 năm nay, nguyên nhân do trong cuộc sống hàng ngày, anh T lạnh nhạt, không quan tâm đến chị, vợ chồng không trao đổi, tâm sự, chia sẻ với nhau những vấn đề trong cuộc sống, tiền của ai làm ra người đó xài, hai vợ chồng đã ở riêng mỗi người một nơi khoảng hai tháng nay. Do thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên **chị yêu cầu ly hôn với anh T.**

Về con chung, có một con chung tên là Huỳnh Ngọc B, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị đồng ý tiếp tục giao con cho anh T trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

Tại bản tự khai và lời trình bày của anh Huỳnh Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị M trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã lâu, nguyên nhân chính là khoảng ba năm nay, chị M đi chơi nhiều, anh đã góp ý nhưng chị M không nghe, vợ chồng cũng ít khi nói chuyện, tâm sự với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều nhưng bản thân anh vẫn còn quan tâm, thương vợ con. Chị M và anh đã ly thân nhau khoảng hai tháng nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh hứa sẽ khắc phục những sai sót mà chị M đã nêu để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung, có một con chung tên là Huỳnh Ngọc B, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với anh. Trường hợp cho ly hôn, anh đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Mai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: anh xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là yêu cầu ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân, chị M và anh T kết hôn với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường U, Tp C, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị M cương quyết xin ly hôn, anh T không đồng ý. Xét thấy, thực tế giữa chị M và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, bởi lẽ, những mâu thuẫn, khúc mắc hàng ngày trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh trong một thời gian dài nhưng vì hai bên cố ý không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, không cùng nhau tháo gỡ, giải tỏa những mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình mà để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị M ly hôn với anh T.

[3] Về con chung, có một con chung tên là Huỳnh Ngọc B, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với anh T. Tại phiên tòa, anh chị đều thống nhất, khi ly hôn, chị M tiếp tục giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của chị M, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, anh chị xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung, anh chị xác định không có và không ai nợ lại anh chị.

[5] Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Ngọc M ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

2/ Về con chung: Buộc chị Đỗ Ngọc M tiếp tục giao 01 con chung tên là Huỳnh Ngọc B, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống chung với anh T, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập đến trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của chị M. Chị M vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có và không ai nợ lại anh chị.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị M phải chịu. Chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000796 vào ngày 14/5/2018, được đối trừ, chị M đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị M và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp C;
- UBND Phường U, Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim Oanh

